

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
Số: 385-HĐBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 7 tháng 11 năm 1990

NGHỊ ĐỊNH

*Về sửa đổi, bổ sung thay thế điều lệ quản lý xây dựng cơ bản đã ban hành kèm theo nghị
định số 232/CP ngày 6 tháng 6 năm 1981*

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

*Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, Nghị quyết Hội nghị Trung ương
lần thứ 3 và các Nghị quyết khác của Ban chấp hành trung ương khoá VI về việc đổi mới cơ
chế quản lý kinh tế;*

*Xét đề nghị của liên Bộ Xây dựng - Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, về sự cần thiết phải sửa đổi,
bổ sung thay thế Điều lệ quản lý xây dựng cơ bản đã ban hành kèm theo Nghị định số 232-CP
ngày 6-6-1981 (sau đây gọi tắt là Điều lệ quản lý xây dựng cơ bản 232-CP) để đáp ứng yêu
cầu tăng cường quản lý công tác xây dựng cơ bản trong tình hình mới;*

Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng trong phiên họp ngày 29 tháng 8 năm 1990;

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.

Nay sửa đổi, bổ sung Điều lệ quản lý xây dựng cơ bản 232-CP ở các chương sau:

Chương I (những quy định chung): sửa đổi, bổ sung hoàn chỉnh các điều 1, 2, 3, 4, 5 và thay
điều 6;

Chương II (chuẩn bị đầu tư): thay các điều 8, 10, 12 và sửa đổi, bổ sung hoàn chỉnh các điều
11, 13;

Chương III (chuẩn bị xây dựng): sửa đổi, bổ sung hoàn chỉnh các điều 15, 16, 18, 19, 20, 21,
22, 24 và thay điều 23;

Chương IV (xây lắp): sửa đổi, bổ sung hoàn chỉnh các điều 25, 30, 32 và thay điều 31;

Chương V (quản lý vốn): thay toàn bộ điều 36 đến điều 42;

Chương VI (thưởng, phạt): thay bằng chương VI mới (xử lý vi phạm và thưởng phạt từ điều 43 đến điều 47);

Chương VII (Điều khoản thi hành): thay điều 48 và điều 50;

Điều 2.

Điều lệ quản lý xây dựng cơ bản 232-CP đã sửa đổi, bổ sung các điều nói trên được ban hành kèm theo Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký đối với mọi thành phần kinh tế trong cả nước.

Điều 3.

Giao Bộ trưởng Bộ Xây dựng chủ trì phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan tổng hợp và các ngành, các địa phương theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành bản Điều lệ này và có kế hoạch chỉ đạo tổng kết kinh nghiệm công tác quản lý xây dựng cơ bản những năm qua để xây dựng thành Bộ luật xây dựng cơ bản trình Hội đồng Bộ trưởng vào cuối năm 1991.

Điều 4.

Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các uỷ ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

ĐIỀU LỆ

QUẢN LÝ XÂY DỰNG CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo Nghị định của Hội đồng Bộ trưởng số 385-HĐBT ngày 7 tháng 11 năm 1990 sửa đổi số xung Điều lệ quản lý xây dựng cơ bản số 232-CP ngày 6 tháng 6 năm 1981)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

Yêu cầu cơ bản của công tác quản lý xây dựng cơ bản.

Công tác quản lý xây dựng cơ bản phải thể hiện đúng đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội và chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Đảng và Nhà nước nhằm sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn vốn đầu tư, khai thác tốt tài nguyên, tiềm năng lao động, đất đai và mọi tiềm lực khác, đồng thời bảo vệ môi trường sinh thái để xây dựng thành công cơ sở vật chất - kỹ thuật của

chủ nghĩa xã hội. Chủ trương đầu tư và kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản phải góp phần bảo đảm nhịp độ phát triển nền kinh tế một cách cân đối, nhịp nhàng, hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý trong từng giai đoạn, nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội, tăng sản phẩm xã hội, tăng thu nhập quốc dân và đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của xã hội.

Điều 2.

Những nguyên tắc cơ bản của công tác quản lý xây dựng cơ bản.

1. Thực hiện kế hoạch hoá toàn diện và đồng bộ công việc đầu tư xây dựng cơ bản từ quy hoạch xây dựng, chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị xây dựng đến giai đoạn xây lắp, hoàn chỉnh công trình đầu tư, đưa công trình vào sản xuất, sử dụng.
2. Quản lý chặt chẽ công tác xây dựng cơ bản để bảo đảm hiệu quả kinh tế của vốn đầu tư. Thực hiện chế độ hạch toán kinh tế và vận dụng các đòn bẩy kinh tế để giải quyết đúng đắn các mối quan hệ về lợi ích, trong đó lợi ích của người lao động là động lực trực tiếp nhằm sớm đưa các công trình vào sản xuất, sử dụng với chất lượng tốt, giá thành hạ.
3. Tuân thủ trình tự xây dựng cơ bản.
4. Thực hiện sự quản lý thống nhất của Nhà nước về kinh tế - kỹ thuật đối với toàn bộ công tác xây dựng cơ bản, nhằm bảo đảm đầu tư đúng phương hướng, nhiệm vụ của thời kỳ kế hoạch, đạt hiệu quả kinh tế xã hội cao và trình độ khoa học - kỹ thuật tiên tiến.
5. Phân định rõ chức năng quản lý Nhà nước với quản lý sản xuất, kinh doanh; đề cao trách nhiệm của các tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với việc sử dụng vốn đầu tư; phân định quản lý vốn đầu tư với quản lý xây dựng, thực hiện phân công, phân cấp hợp lý trong quản lý vốn đầu tư và quản lý xây dựng bảo đảm đạt hiệu quả kinh tế cao.

Điều 3.

Trình tự xây dựng cơ bản.

Công tác xây dựng cơ bản phải được tiến hành đúng trình tự, theo ba giai đoạn: giai đoạn chuẩn bị đầu tư, giai đoạn chuẩn bị xây dựng và giai đoạn xây lắp.

Các cơ quan kế hoạch, chủ quản đầu tư, chủ đầu tư cũng như các cơ quan khác có liên quan đến thực hiện đầu tư đều phải tuân thủ trình tự xây dựng cơ bản do bản Điều lệ này quy định.

Điều 4.

Đối tượng đầu tư xây dựng cơ bản.

Đối tượng đầu tư xây dựng cơ bản là công trình hoặc liên hiệp công trình.

1. Công trình xây dựng phải thực hiện trên một địa điểm nhất định, một tuyến nhất định theo quy hoạch xây dựng hoặc trên địa điểm đã có công trình (nếu là xây dựng mở rộng, cải tạo, phục hồi). Mỗi công trình bao gồm một hoặc nhiều hạng mục công trình nằm trong dây chuyền công nghệ đồng bộ, hoàn chỉnh (có tính đến việc hợp tác sản xuất) để làm ra sản phẩm cuối cùng nêu rõ trong luận chứng kinh tế kỹ thuật.

2. Liên hiệp công trình bao gồm nhiều công trình và hạng mục công trình tập trung tại một địa điểm hay một khu vực, hình thành các giai đoạn sản xuất rõ rệt và có liên quan hữu cơ với nhau về mặt công nghệ sản xuất, để làm ra sản phẩm cuối cùng hoặc để lợi dụng tổng hợp.

3. Trường hợp công trình được đầu tư bằng vốn Ngân sách, hạng mục công trình không phải là đối tượng để được cấp vốn đầu tư xây dựng mới; không cho phép xé lẻ một công trình ra nhiều hạng mục công trình để xin vốn đầu tư.

Điều 5.

Vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

Vốn đầu tư xây dựng cơ bản là toàn bộ chi phí để đạt được mục đích đầu tư, bao gồm chi phí cho việc khảo sát, quy hoạch xây dựng, chuẩn bị đầu tư, chi phí về thiết kế và xây dựng; chi phí mua sắm và lắp đặt thiết bị và các chi phí khác ghi trong tổng dự toán.

Điều 6.

Trách nhiệm của các ngành, các cấp trong quản lý xây dựng cơ bản.

1. Các Bộ, Ủy ban Nhà nước, cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng (sau đây gọi chung là Bộ), Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban Nhân dân tỉnh) có trách nhiệm thống nhất quản lý Nhà nước về đầu tư xây dựng cơ bản của các thành phần kinh tế theo chiến lược phát triển kinh tế, xã hội và quy hoạch, kế hoạch của các ngành và địa phương; chỉ đạo, hướng dẫn kiểm tra các chủ đầu tư thực hiện đúng trách nhiệm đã được quy định trong bản Điều lệ này.

Các Bộ, Ủy ban Nhân dân tỉnh là chủ quản đầu tư các công trình đầu tư của các đơn vị quốc doanh trực thuộc và chịu trách nhiệm chung về hiệu quả kinh tế xã hội của các công trình đó.

2. Chủ đầu tư: tất cả các công trình không phân biệt nguồn vốn, hình thức đầu tư đều phải xác định rõ chủ đầu tư ngay từ khi lập luận chứng kinh tế kỹ thuật, Chủ đầu tư là người chủ sở

hữu vốn (tư nhân, tập thể, cổ đông, Nhà nước). Đối với vốn đầu tư của Nhà nước thì chủ đầu tư là người được Nhà nước giao quyền trực tiếp quản lý vốn để thực hiện nhiệm vụ đầu tư có hiệu quả. Một công trình đầu tư có thể sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau. Chủ đầu tư có trách nhiệm toàn diện và liên tục về quản lý và sử dụng các nguồn vốn đầu tư từ khi khởi công xây dựng cho đến khi công trình hoàn thành đưa vào sử dụng có hiệu quả theo đúng yêu cầu đã đề ra trong luận chứng kinh tế kỹ thuật được duyệt. Khi thay đổi người làm nhiệm vụ chủ đầu tư thì người mới thay thế phải chịu trách nhiệm thừa kế về toàn bộ công việc đầu tư và người chủ đầu tư trước phải chịu trách nhiệm liên đới về toàn bộ công việc đầu tư đã tiến hành trong thời gian đương nhiệm.

3. Các tổ chức khảo sát, thiết kế, chế tạo và cung ứng thiết bị thi công xây lắp, cung ứng vật tư và vận tải có nhiệm vụ thực hiện đầy đủ các hợp đồng kinh tế đã ký kết với chủ đầu tư và các tổ chức xây lắp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực hiện hợp đồng đó.

Cơ quan quản lý cấp trên của các tổ chức nói trên có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức trực thuộc thi hành đúng nhiệm vụ đã được quy định trong bản Điều lệ này.

4. Ngân hàng đầu tư và phát triển có chức năng nhận vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Nhà nước để đầu tư cho các công trình phát triển kinh tế - kỹ thuật của Nhà nước và huy động vốn trung hạn, dài hạn trong nước, ngoài nước để cho vay trung hạn, dài hạn là chủ yếu.

Ngân hàng đầu tư và phát triển tự chịu trách nhiệm về việc quyết định cho vay đối với các công trình đầu tư thuộc các thành phần kinh tế theo cơ cấu và định hướng của kế hoạch Nhà nước trên nguyên tắc bảo đảm hiệu quả kinh tế và thu hồi vốn cho vay. Ngân hàng có quyền không cấp vốn hoặc thu hồi số vốn đã cho vay trước thời hạn quy định nếu việc sử dụng vốn không đúng mục đích, đối tượng và sai chế độ, chính sách của Nhà nước.

CHƯƠNG II

CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ

Điều 7.

Công tác chuẩn bị đầu tư.

Tất cả các công trình dự định đầu tư đều phải được chuẩn bị chu đáo của các công việc sau đây: